

## NGOẠI KIM CƯƠNG BỘ VIỆN

Ngoại Kim Cương Bộ Viện ở tại vòng ngoài cùng của **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Đa La** nên xưng là Tối Ngoại Viện.

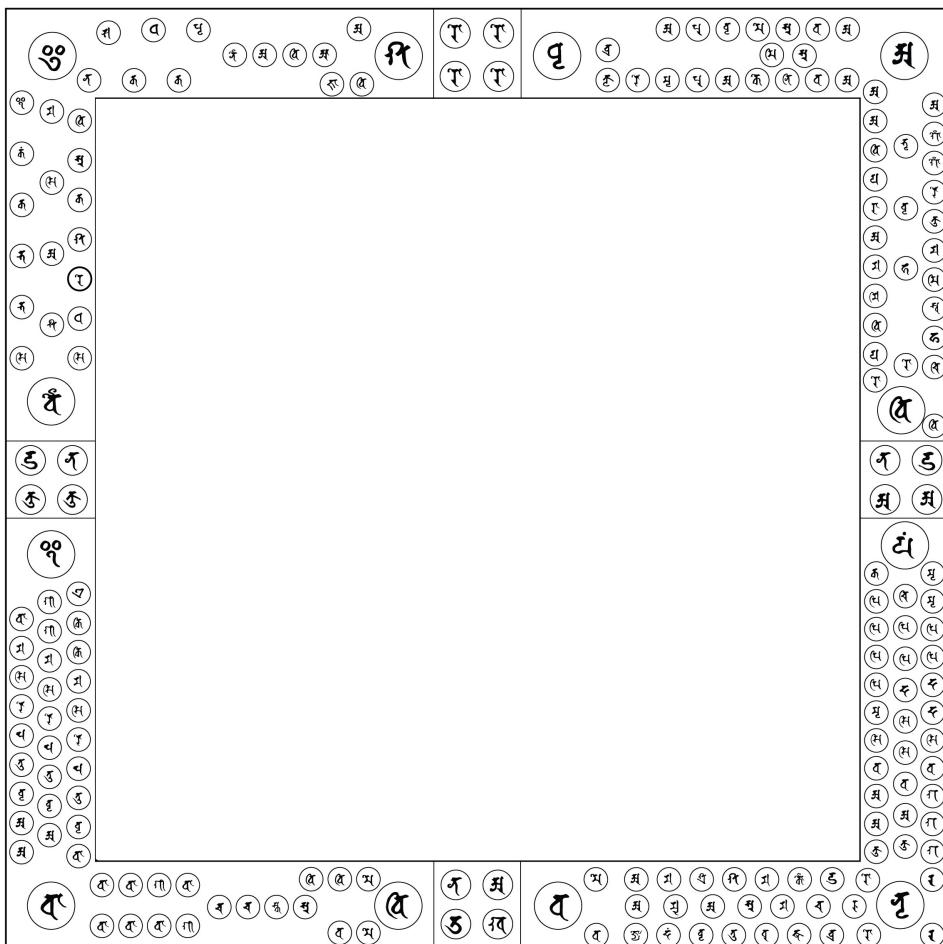
Các Tôn của Viện này thuần dùng chư Thiên làm đầu, sau này còn có vô số tạp loại các hàng Rồng, Dạ Xoa... thuộc sáu nẻo trong ba cõi.

Do các Tôn của Viện này, tuy phần lớn có tên gọi là Kim Cương nhưng chỉ dùng cho Thiên Bộ, vì thế Viện này còn được xưng là Chư Thiên Bộ

Viện này biểu thị cho **Đại Bi Đẳng Lưu Thân** của Đại Nhật Như Lai, diễn tả Đức **tùy loại ứng hóa**, cùng **Thánh Pháp** là **Lý không hai**. Đây là phương tiện thiện xảo của chư Phật nhiếp trì chúng sinh, giúp cho họ vượt qua các Tâm của chúng sinh đạt được Sơ Địa để nhận Chính Pháp.

Viện này gồm có 205 Tôn

\_ Phương Đông có 40 Tôn thuộc nhóm Nhật Thiên, Đế Thích Thiên, Phạm Thiên...(dãy bên trên, từ trái sang phải)



1\_ Y Xá Na Thiên (ঝঁ)

2\_ Hỷ Diện Thiên (ৰ)

3\_ Thường Túy Thiên (ৰ)

- 4\_ Khí Thủ Thiên Hậu (氣)  
 5\_ Khí Thủ Thiên (氣)  
 6\_ Kiên Lao Địa Thân Hậu (堅)  
 7\_ Kiên Lao Địa Thân (堅)  
 8\_ Phi Tưởng Thiên (飛)  
 9\_ Vô Sở Hữu Xứ Thiên (無)  
 10\_ Thức Vô Biên Xứ Thiên (無)  
 11\_ Không Vô Biên Xứ Thiên (無)  
 12\_ Nhạ Gia (囉)  
 13\_ Nhật Thiên (日)  
 14\_ Vi Nhạ Gia (囉)  
 15\_ Đế Thích Thiên (帝)  
 16\_ Thủ Môn Thiên (天)  
 17\_ Thủ Môn Thiên Nữ (天)  
 18\_ Thủ Môn Thiên (天)  
 19\_ Thủ Môn Thiên Nữ (天)  
 20\_ Trì Quốc Thiên (氣)  
 21\_ Đại Phạm Thiên (梵)  
 22\_ Mão Tú (卯)  
 23\_ Tất Tú (辰)  
 24\_ Tuy Tú (戌)  
 25\_ Sâm Tú (巳)  
 26\_ Quỷ Tú (午)  
 27\_ Tỉnh Tú (未)  
 28\_ Liễu Tú (亥)  
 29\_ Ngưu Mật Cung (戌)  
 30\_ Bạch Dương Cung (白)  
 31\_ Phu Phụ Cung (Nam) (父)  
 32\_ Phu Phụ Cung (Nữ) (母)  
 33\_ Tuệ Tinh (慧)  
 34\_ Lưu Tinh (留)  
 35\_ Nhật Diệu (日)  
 36\_ Nhật Diệu Quyến Thuộc (日)  
 37\_ Bà Tô Tiên Hậu (母)  
 38\_ Bà Tô Đại Tiên (母)  
 39\_ Hoả Thiên Hậu (火)  
 40\_ Hoả Thiên (火)

### **1\_ Y Xá Na Thiên (I'sàna):**

I'sàna dịch âm là Y Xá Na Thiên, dịch ý là Lạc Dục hay Tự Tại Chúng Sinh Chủ, tức nghĩa là người Tư Phối. Lại xưng là Y Già Na Thiên, hoặc Y Sa Thiên,

Đại Tự Tại Thiên. Là một trong Hộ Thủ Bát Phương (tám vị hộ giúp đỡ ở tám phương), một trong 12 vị Trời, hoặc một trong Thirteen Hộ Pháp ở mười phương, thủ hộ phương Đông Bắc. Lại có thuyết nói vị ấy khi xưa được xưng là Ma Ê Thủ La Thiên (Mahe'svara).

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện tướng phẫn nộ, quát mắng ba độc Tham Sân Si, trên mặt có 3 mắt, thân dùng đầu lâu làm Anh Lạc, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, tay phải cầm cây kích Tam Cổ

3 mắt biểu thị cho sự giáng phục 3 vọng chấp: thô, tế, cực tế

Đầu lâu biểu thị cho vô minh căn bản. Dùng đầu lâu làm Anh Lạc biểu thị cho nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**

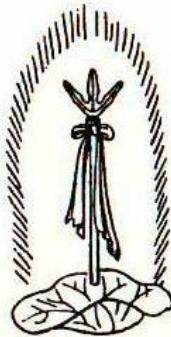
Tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, biểu thị cho ăn nuốt hết phiền não

Tay phải cầm cây kích Tam Cổ biểu thị cho việc dùng cái Mâu của 3 Bình Đẳng giết hại phiền não, hai chướng Sở Tri, nghĩa là Không Nhân Chấp, Pháp Chấp.

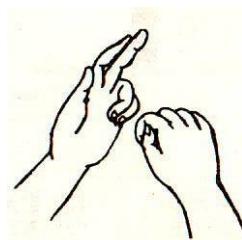


Chữ chủng tử là: I (ឃ)

Tam Muội Gia Hinh là: Cây Kích Tam Cổ , biểu thị cho việc điều phục chúng sinh.



Tướng Án là: **Y Xá Na Thiên Ân**. Tay phải nắm quyền để ở eo lưng, tay trái đều co ngón vô danh, ngón út, dương thăng ba ngón còn lại và hơi rời nhau. Đây tức là hình Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ରୁଦ୍ରାୟା ସ୍ଵାହା  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_RUDRĀYA SVĀHĀ

## 2\_ Hỷ Diện Thiên (Nandī-mukha)

Hỷ Diện Thiên là quyền thuộc của Y Xá Na Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi ra, hướng lòng bàn tay lên trên, tay trái nắm quyền, duỗi thẳng ngón trỏ biểu thị cho sự vui thích.



Chữ chủng tử là: NA (ନା), hay RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén (hay cái cốc).



Tướng Ấн là Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାର୍ଥେସଂଗୁରୁକର୍ମ୍ୟସଂଦର୍ଭଗ୍ୟକାରସ୍ତୁର୍ଗ୍ରାମ  
ରୁକ୍ଷରେସମନାରାଗ ଅସଂଦର୍ଭଶୁନ୍ଧର୍ୟସଂବର୍ଗାନ୍ତେସ୍ତୁର୍ଗ୍ରାମ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNAM\_ LOKA ALOKÀ KARÀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUDA  
KIMNARA MOHÀRAGA DI\_ HRDÀYA ANYA AKARŞÀYA VICITRAGATI  
SVÀHÀ

### 3\_ Thường Túy Thiên (Sadàmada):

Tôn này là vị Thần Dạ Xoa trụ ở tầng thứ ba của núi Tu Di. Lại xưng là Thường Túy Thần, Thường Phóng Dật Thiên, Hằng Túy Thiên, Hỷ Lạc Thiên.

Tôn này chủ về Đức **vốn mê** (Bản Mê) của Y Xá Na Thiên, tức vốn mê say rượu **vô minh ba độc**, là cội nguồn của tất cả sinh tử phiền não, cho nên xưng là Thường Túy. Tôn này là quyền thuộc của Y Xá Na Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên cái ống tròn, tay phải nắm quyền để trên đùi cạnh eo.

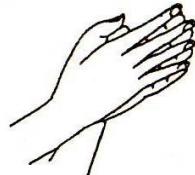


Chữ chủng tử là: SA (ສ) hay RO (ຣ)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tướng Ấн là: Kim Cương Hợp Chuồng



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାର୍ଥେ ଦୁଃଖକୁଳକର୍ତ୍ତାଯୁସମଦ୍ଵାରା ଗାନ୍ଧାରୀରୁ  
ଶକ୍ତିରୁ ମନ୍ଦରୀରୁ ଏହି ଦୁଃଖକୁଳକର୍ତ୍ତାଯୁସମଦ୍ଵାରା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ LOKA ALOKÀ KARÀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUDA  
KIMNARA MOHÀRAGA DI\_ HRDÀYA ANYA AKARSÀYA VICITRAGATI  
SVÀHÀ

#### 4\_ Khí Thủ Thiên Hậu (Karotapàṇinì):

Karotapàṇinì là Phi Hậu của Khí Thủ Thiên, cùng với Khí Thủ Thiên đều cầm vật khí chứa rượu, đồng là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cái chén, tay trái duỗi năm ngón tay để cạnh eo.



Chữ chủng tử là: KA (ກ) hay RO (ຣ).

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tướng Ăn là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାତ ସମାନାମ୍ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ରୋତ୍ସବ୍ ମହାକାଯକାରୁଷାରୁଗ୍ରାମ  
ରୋତ୍ସବ୍ ମହାରାଗ ଅଶ୍ଵଦିତ୍ୟଶୁନ୍ତାଧ୍ୟାତ୍ମକାରାତ୍ମକାରୁଷାରୁଗ୍ରାମ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARŚĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

### 5\_ Khí Thủ Thiên (Karoṭapāṇi):

Tôn này là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên, tay cầm vật khí chứa rượu cho nên xưng là Khí Thủ Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cái chén, tay trái dựng chuồng, hướng lòng bàn tay ra ngoài.



Chữ chủng tử là: KA (କା) hay RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tướng Ăn là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଲୋକା କାରାୟା ଶର୍ଵାଗମ  
ଯକ୍ଷରେ ମନ୍ଦରାଗ ହର୍ଦାୟା ଗନ୍ଧାରା ଅସୁରା ଗରୁଡ଼ା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NĀGA YAKŚA GANDHARVA ASURA GARUḌA  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARŚĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

#### 6\_ Kiên Lao Địa Thần Hậu (Dharī):

Tôn này là vợ (Hậu) của Kiên Lao Địa Thần, chủ quản Đức của Đại Địa hay sinh ra và nuôi lớn vạn vật.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đầu đội mao báu, tay phải để trước ngực, tay trái để trên đùi, ngồi trên tòa tròn.



Chữ chủng tử là: DHA (ଡ), hay RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: cái bát.



Tướng Ấн là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ରୁଦ୍ଧନ୍ତ ପୁଅତୀଥ୍ର ମନ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ PRTHIVIYE - SVĀHĀ

### 7\_ Kiên Lao Địa Thần (Pṛthivi):

Pṛthivi dịch âm là Bỉ Lý Đề Tỳ, Bát La Thể Phệ, Bệ Lý Thể Vi. Lại xưng là Kiên Lao, Kiên Lao Địa Thiên, Địa Thần Thiên, Kiên Lao Địa Kỳ, Trì Địa Thần, Địa Thiên. Là một trong 20 Thiên thuộc Sắc Giới, là vị Thần trông coi đất đai.

Khi Đức Phật Đà mới thành Đạo thời Địa Thần này đã hiện ra để chứng minh, từ dưới Đất nhảy vọt lên, khom người cung kính, nâng cái bình bảy báu chứa đầy hương hoa để cúng dường.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đội mao báu, tay trái cầm cái bát, trong bát có hoa tươi. Hướng lòng bàn tay phải ra bên ngoài để trước ngực. Ngồi trên tòa hình tròn.

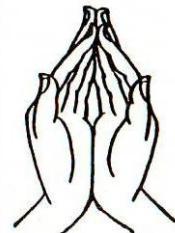


Chữ chủng tử là: PR (ପ୍ର), hay RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.



Tướng Án là: Bát Án.



Chân Ngôn là:

ନମ: ସମତ ଏତନ୍ତ ପୁରୁଷ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM \_ PRTHIVÌYE - SVÀHÀ

### **8\_ Phi Tưởng Thiên (Naivasamjñàyatana):**

Tâm Định của hàng Trời này đến chỗ Tịnh Diệu, là cảnh giới Thiền Định tối cao trong Thiền Định của Thế Gian.

**Phi Tưởng** là ngay trong Cảnh Định đã trải qua, diệt trừ Tâm Niệm của tướng thô nhưng trong đó còn có Tâm Tưởng nhỏ nhiệm. Có điều do rất nhỏ nhiệm nên không có Pháp vận tưởng và khó dùng duyên quán sát, vì thế xưng là Phi Tưởng.

Lại nữa do còn có tâm niệm nhỏ nhiệm sâu xa cho nên xưng là Phi Phi Tưởng. Lại xưng là Phi Phi Tưởng Thiên, Vô Tư Tưởng Diệc Vô Vô Tưởng Thiên, Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí Thiên, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Thiên. Là cõi Trời thứ tư thuộc Vô Sắc Giới. Vì Trời này trụ ở đỉnh của Tam Giới Cửu Địa cho nên xưng là Hữu Đỉnh Thiên.

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ngồi trong lầu gác có hai tầng.

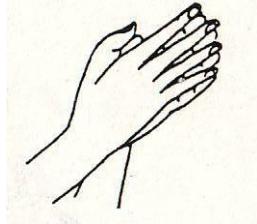


Chữ chủng tử là: RO (ଡ) hay NAI (ନୀ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chuồng.



## Chân Ngôn là:

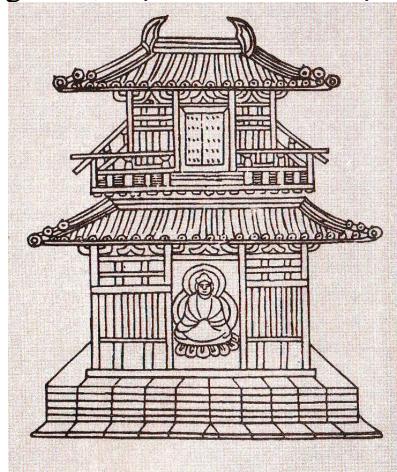
ନୟମମ୍ୟ ଏହାମ୍ବଦୀକରଣ କରିଯାଇଥାରୁ ମହାଦେଵମାଧ୍ୟକାରୀ ଶରୀର  
ରକ୍ତରେ ଏହାମ୍ବଦୀକରଣ କରିଯାଇଥାରୁ ଅତ୍ୟନ୍ତ ମହାଦେଵମାଧ୍ୟକାରୀ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ LOKA ALOKÀ KARÀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUDA  
KIMNARA MOHÀRAGA DI\_ HRDÀYA ANYA AKARSÀYA VICITRAGATI  
SVÀHÀ

### **9\_ Vô Sở Hữu Xứ Thiêん** (Àkiñcana-ayatana):

Àkiñcana-ayatana là vị Trời ở cõi Trời thứ ba của 4 cõi Trời Vô Sắc. Cảnh Giới Thiền Định của vị Trời này là **Vô Sở Hữu Xứ Định**. Lúc chứng nhập Định này thời tự tâm vui vẻ vắng lặng chặt đứt mọi niệm, tất cả Tâm Tưởng đều chẳng sinh khởi, lúc này tướng của tâm sen còn chẳng thể nhìn thấy, huống chi là tướng mạo của tất cả các Pháp. Bởi thế trong Tâm không có chỗ phân biệt, cho nên gọi là Vô Sở Hữu Xứ Định.

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ở trong lâu gác hai tầng.



Chữ chủng tử là : RO (ර), hay A (ං)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

**ନମେ ସମତ ଏହୁ ନାମ ବୁଦ୍ଧାନାମ ରାଧି ମହା ଦେଵା ଯକ୍ଷା ଗନ୍ଧାରା ଶୁଣାର  
ରକ୍ତରେ ମନ୍ଦରା ଗନ୍ଧାରା ହୃଦୟରେ ଶୁଣାର**

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARŚĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

#### 10\_ Thức Vô Biên Xứ Thiên (Vijnāna-anantya-ayatana):

Vijñāna-anantya-ayatana là cõi Trời thứ hai của 4 cõi Trời Vô Sắc. Lại xưng là Thức Vô Biên Xứ, Vô Biên Thức Xứ, Thức Vô Biên Xứ Địa, Vô Lượng Thức Xứ Thiên, Thức Nhập Xứ. Lược xưng là Thức Xứ, chỉ Yểm Ly Không Vô Biên Xứ Thiên, là Quả Báo do Định của Thức Vô Biên đã chiêu cảm. Tức nhóm mắt thanh tịnh suy tư tướng của 6 loại Thức, quán sát chiếu rõ Thức Tướng vô biên. Dùng sự suy tư Thức Tướng vô biên mà tu Gia Hạnh, triển chuyển dẫn khởi Định Vô Sắc thứ hai mà xưng là Thức Vô Biên Xứ

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ở trong lầu gác hai tầng

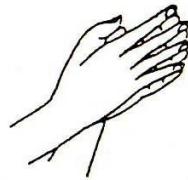


Chữ chủng tử là: RO (ରୋ), hay VI (ବି)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấн là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

नमः समांत बुद्धानाम् लोका अलोका कराया  
सर्वा देवा नागा यक्षा गन्धर्वा असुरा गरुदा

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUDA  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARSĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

### 11\_ Hư Không Xứ Thiên (Àkà'sa-anantya-ayatana):

Àkà'sa-anantya-ayatana lại xưng là A Kiệt Thiên Thiền, Hư Không Tri Thiên, Không Tri Thiên, Không Vô Biên Xứ Địa, Không Vô Biên Xứ Thiên, Không Xứ. Là cõi Trời thứ nhất của 4 cõi Vô Sắc, một trong Tam Giới Cửu Địa, chỉ thân chán lìa hình sắc, vui cầu hư không vô biên. Do gia hành nhập vào Nhân của Không Vô Biên Xứ Định đắc được Quả Báo của Định Địa.

Do nơi chán lìa hình sắc cho nên không có Sắc Uẩn, chỉ do 4 Uẩn: **Thọ** **Tưởng** **Hành** **Thức** mà thành (Dị Thực Sinh). Cõi Vô Sắc tuy không có nơi chốn, xong có quả báo sai biệt cho nên tạm có tên gọi.

**Câu Xá Luận Tụng Sớ Luận Bản, quyển 8** ghi rằng:"Tu Định này, trước tiên ở Gia Hạnh Vị, chán bỏ thân có Sắc, suy tư Không vô biên, tác Không Vô Biên Giải, gọi là Không Vô Biên Xứ”

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ở trong lầu gác hai tầng

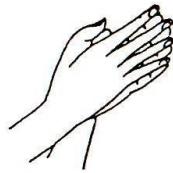


Chữ chủng tử là: RO (𠀤), hay À (𠙴)

Tam Muội Gia Hình là:Cung điện.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

नमः समाते द्वदशं गुणगुणहरौ यस्तदगायकारुष्टारु  
त्रिकारै महारा इति द्वदशं गुणगुणहरौ यस्तदगायकारुष्टारु

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ LOKA ALOKÀ KARÀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUĐA  
KIMNARA MOHÀRAGA DI\_ HRDÀYA ANYA AKARSÀYA VICITRAGATI  
SVÀHÀ

### 12\_ Nhạ Gia (Jayà):

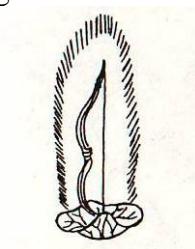
Jayà dịch âm là Thệ Gia, Xà Gia, Giả Gia, Bán Giả Gia. Dịch ý là Tác Thắng.  
Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, một trong hai Phi của Nhật Thiên

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt.

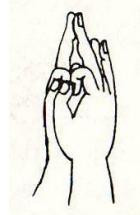


Chữ chủng tử là: A (အ), hay JA (ဗာ)

Tam Muội Gia Hình là:Cây cung.



Tướng Ấn là:Như Lai Ngữ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ जया विजया स्वाहा  
OM JAYA VIJAYA SVÀHÀ

Hay ॐ महागनपाथा स्वाहा  
OM MAHÀ-GAÑAPÀTHA SVÀHÀ

### 13\_ Nhật Thiên (Àditya):

Àditya dịch âm là A Nê Đế Gia. Lại xưng là Nhật Thiên Tử, Nhật Thần

Tại Ấn Độ đem sức sáng tạo, Thần Cách Hoá xưng là Nhật Thiên. Sau lại xưng riêng là Thái Dương Thần (Sùrya).

Sau khi truyền vào Mật Giáo thì thành một trong 20 Thiên. Tức Đại Nhật Như Lai vì lợi ích chúng sinh cho nêu trụ vào **Phật Nhật Tam Muội**, tuỳ duyên hiện ra ở đời, lúc phá các Ám thời Tâm Bồ Đề tự nhiên khai hiển giống như ánh sáng của Thái Dương chiếu soi chúng sinh, cho nên xưng là Nhật Thiên.

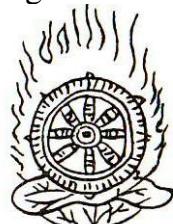
Tôn này có 2 vị Phi là Thệ Gia (Jayà) và Vi Thệ Gia (Vijaya)

Tôn Hình:Thân màu thịt đỏ, khoác Thiên Y, hai tay đều cầm hoa sen, ngồi trên xe có năm con ngựa màu đỏ.



Chữ chủng tử là: A (አ)

Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Luân.



Tướng Ấн là: Co hai ngón vô danh chạm lưng ngón, hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón vô danh, Hai đỉnh đầu ngón giữa trụ nhau, dựng thẳng hai ngón trỏ hai ngón út.



Chân Ngôn là:

ନମମତ୍ ଏକାଂତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଅଦିତ୍ୟାୟା ସ୍ଵାହା  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ ADITĀYĀYA\_ SVĀHĀ

#### 14\_ Vi Xà Gia (Vijayà):

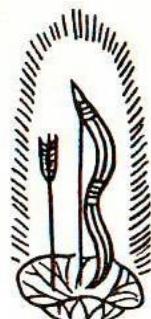
Vijayà là em gái của Jayà, một trong hai Phi của Nhật Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên, hướng mặt về bên phải.

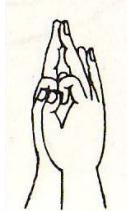


Chữ chủng tử là: VI (၆)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.



Tướng Ấн là: Như Lai Ngũ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ जया विजया स्वाहा  
OM JAYA VIJAYA SVÀHÀ

Hay ॐ महागनपत्यस्त्वाह  
OM MAHÀ-GAÑAPÀTHA SVÀHÀ

### 15\_ Đế Thích Thiên ('Sakra-devànàm-indra):

'Sakra-devànàm-indra dịch âm là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La . Lược xưng là Thích Đề Hoàn Nhân, Thích Ca Đề Bà. Lại xưng là Đế Thích ('Sakra) và còn có tên gọi riêng là Nhân Đà La (Indra), Kiều Thi Ca, Sa Bà Bà, Thiên Nhã...

Nguyên Indra là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là Thần Lôi Vũ có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên xe có ngựa kéo, vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng A Tu La.

Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì trở thành vị Hộ Pháp và được xưng là Đế Thích Thiên, là một trong 12 vị Trời, Chủ của cõi Tam Thập Tam Thiên, trấn giữ phương Đông, cư trú tại thành Thiện Kiến thuộc cõi Trời Dao Lợi trên đỉnh núi Tu Di.

Theo sự ghi chép của Kinh Điển thì Tôn này là vị Bà La Môn ở nước Ma Già Da, do tu Phước Đức của nhóm Bố thí mà được sinh lên cõi Trời Dao Lợi làm vị Thiên Chủ

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, tay trái nắm quyền để bên eo, khoác Thiên Y và Giáp Trụ.

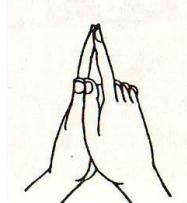


Chữ chủng tử là: SA (𩎤)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Án là: Nhẫn Ba La Mật Án.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ 'SAKRAYA - SVĀHĀ

#### 16\_ Thủ Môn Thiên (Dvàra-pàla):

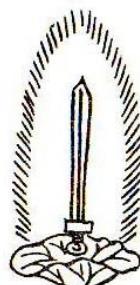
Dvàra-pàla dịch âm là Ná Phộc La Bát La, có nghĩa là người giữ cửa, thủ hộ cửa Đông của Kim Cương Ngoại Viện

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kiếm, tay phải cầm hoa sen, hướng mặt về bên trái, dựng đầu gối trái mà ngồi.

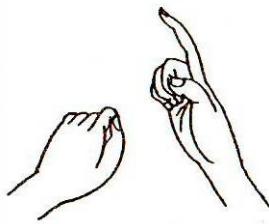


Chữ chủng tử là: RO (𩎤)

Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm.



Tướng Ấн là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ:ସମତା ଦର୍ଶନୀ ରତ୍ନଧର୍ଷଣା ରତ୍ନଧର୍ଷଣା ରତ୍ନଧର୍ଷଣା

NAMAH SAMANTA VAJRĀÑĀM\_ DARDHARŚA, MAHĀ ROṢANA KHĀDAYA \_ SARVA TATHĀGATĀ JÑAM KURÙ\_ SVĀHĀ

### 17\_ Thủ Môn Thiên Nữ (Dvāra-pàlì):

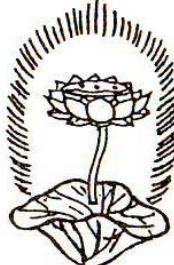
Dvāra-pàlì dịch âm là Ná Phộc La Bát Lê, có nghĩa là người nữ giữ cửa. Là một trong hai Tôn giữ cửa Đông của Kim Cương Ngoại Viện

Tôn Hình: Thân màu thịt, cầm hoa sen nở rộ, quỳ gối hướng về bên trái

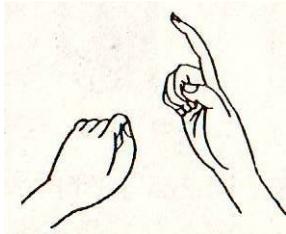


Chữ chủng tử là: RO (ର)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାଂ ଦର୍ଶନୀ ରତ୍ନ ଧର୍ମନାରାଜଙ୍କ ବନ୍ଦଯତ୍ତମାନା ଗଣଗା କୁରୁ ସମ୍ମାନ  
ନମ

NAMAH SAMANTA VAJRĀNĀM\_ DARDHARŚA, MAHĀ ROŚANA  
KHĀDAYA \_ SARVA TATHĀGATĀ JÑAM KURÙ\_ SVĀHĀ

### 18\_ Thủ Môn Thiên Vương (Dvāra-pàla-deva-ràja):

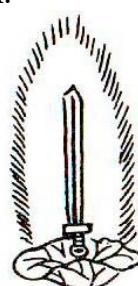
Dvāra-pàla-deva-ràja là vị Thiên Vương giữ cửa, thủ hộ cửa Đông của Kim Cương Ngoại Viện

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tứ Thiên Vương, mặc giáp trụ chiến đấu, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ở eo rồi ngồi

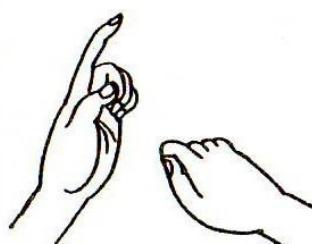


Chữ chủng tử là: RO (ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiêm.



Tướng Ấn là: Tướng Hướng Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

नमः समांत वज्रानं दमुक्ष वर्मनस रथं गदयं ऊर्ध्वं अभिमुखं मम  
अमराश्रुं भूते

NAMAH\_ SAMANTA VAJRÀNÀM\_ HE\_ ABHIMUKHA MAHÀ  
PRACANDA \_ KHADAYA KIMCIRÀYASI SAMAYA MANUSMARA\_  
SVÀHÀ

### 19\_ Thủ Môn Nữ (Dvàra-pàlì):

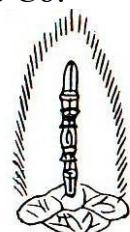
Dvàra-pàlì dịch âm là Ná Phộc La Bát Lê, có nghĩa là người nữ giữ cửa. Là một trong hai Tôn giữ cửa Đông của Kim Cương Ngoại Viện

Tôn Hình: Thân màu thịt, để quyền phải trước ngực, tay trái cầm chày Độc Cổ, đứng hướng mặt về bên phải

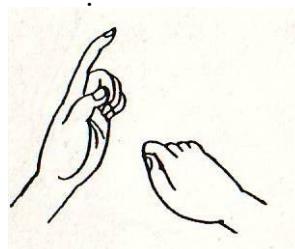


Chữ chủng tử là: RO (ऋ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là:Tương Hướng Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

नमः समांत वज्रानं दमुक्ष वर्मनस रथं गदयं ऊर्ध्वं अभिमुखं मम  
अमराश्रुं भूते

NAMAH\_ SAMANTA VAJRÀNÀM\_ HE\_ ABHIMUKHA MAHÀ  
PRACANDA \_ KHADAYA KIMCIRÀYASI SAMAYA MANUSMARA\_  
SVÀHÀ

## **20\_ Đế Đầu Lại Tra Thiên Vương (Dhṛtarāṣṭra- Devarāja):**

Dhṛta-rāṣṭra dịch âm là Đế Đầu Lại Tra, Trì Lê Da A La Da, Đế Da La Tra. Lại xưng là Trị Quốc Thiên, An Ân Thiên, Thuận Oán Thiên. Là một trong 4 vị Thiên Vương, một trong 16 vị Thiện Thần

Đế Đầu Lại Tra Vương ( Dhṛta-rāṣṭra-Devarāja ) là Trì Quốc Thiên Vương, vị vua thống lĩnh hàng Càn Thát Bà (Gandharva \_ Hương Ẩm Thần) và Tỳ Xá Già (Pi'sāca \_ Xí Thần) Ngài trụ ở Hoàng Kim Đóa ở núi Càn Đà nằm giữa eo núi Tu Di ở phương Đông, chỗ cư ngụ của Ngài gọi là Hiền Thượng Thành.

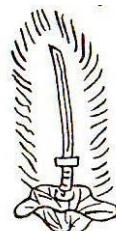
Do Ngài có Bản Thể là khen thưởng các điều lành, trừng phạt các việc ác, hộ trì Quốc Thổ , bảo vệ chúng sinh nên có tên gọi là Trì Quốc Thiên Vương, vị Thần bảo hộ ở phương Đông.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây đao, úp tay phải xuống để trên bắp đùi bên phải.

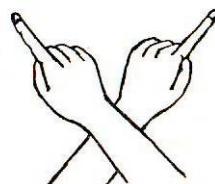


Chữ chủng tử là: DHR (උ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao.



Tướng Ấn là: Trì Quốc Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ରମ୍ଭମ୍ଭାଦ୍ରନ୍ଦମ୍ବତ ପୁରୁଷ ରା ସମ୍ବନ୍ଧ ଶନ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ OM DHRTARÀSTRÀ RA RA  
PRAMODANA\_ SVÀHÀ

### 21\_ **Đại Phạm Thiên** (Mahà-Brahma-deva):

Mahà-Brahma-deva dịch âm là Ma Ha Phạm La Hẹ Ma, dịch ý là cực trong sạch tinh khiết. Lại xưng là Phạm Vương, Phạm Thiên, Đại Phạm, Phạm Đồng Tử, Thế Chủ Thiên, Sa Bà Thế Giới Chủ

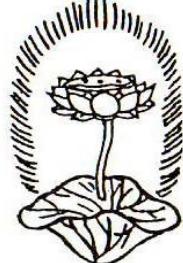
Theo Ấn Độ Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiên thuộc Sắc Giới (Rùpa Dhàtu) và là một trong 20 Thiên, một trong 28 Bộ của Thiên Thủ Quán Âm

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mao tóc búi, có 4 mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt, thân có 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác Dữ Nguyễn Ấn, tay thứ hai cầm cây kích. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm cái bình.

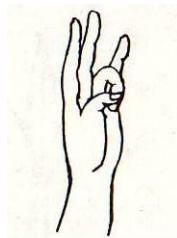


Chữ chủng tử là: BRA (ඩ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng, tay Thí Nguyễn.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମମମତ୍ସଦାନଂ ସନ୍ଧାପତ୍ୟାମନ୍ତର

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ PRAJAPATAYE\_ SVĀHĀ

## 22\_ Mão Tú (Kṛtikā)

Kṛtikā (Mão Tú) dịch âm là Khất Lật Dế Ca, lại có tên gọi là Mao Đầu. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có ngôi sao.(hình 231)

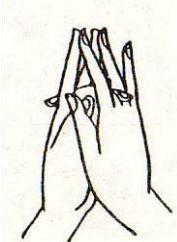


Chữ chủng tử là: RO (ରୋ), hay KR (କ୍ରୋ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ān là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ān.



Chân Ngôn là:

ନମମମତ୍ସଦାନଂ ନକ୍ଷତ୍ର ନିର୍ଜାଦାନୀୟ

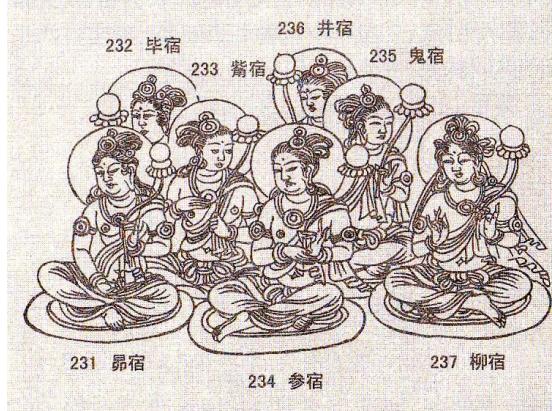
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_ SVĀHĀ

hay තම්සමත්දහ්නාසම්බා තුනෙස් සඳහා  
 NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ KRTIKĀ- NAKSATRA \_ SVĀHĀ

### 23\_ Tất Tú (Rohinī):

Rohinī (Tất Tú) dịch âm là Lô Hứ Nê, Lỗ Hỷ Ni. Lại xưng là Mộc Giả, Trưởng Dưỡng Tú, Trưởng Dục Tú. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có chòm sao. (hình 232)

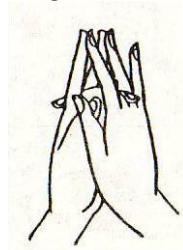


Chữ chung tử là: RO (𩫑)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ăn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ăn.



Chân Ngôn là:

තම්සමත්දහ්නාසම්බා තුනෙස් මිර්ජාදැනියා සඳහා  
 NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKSATRA NIRJADANIYE\_  
 SVĀHĀ

hay තම්සමත්දහ්නාසම්බා තුනෙස් සඳහා

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ ROHINĪ- NAKSATRA \_ SVĀHĀ

### 24\_ Tuy Tú (Mr̥ga'sira):

Mr̥ga'sira (Tuy Tú) lại xưng là Lộc Thủ Tú. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Úp lòng bàn tay phải để trước ngực, dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen bên trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình 233)

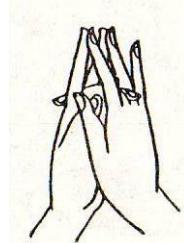


Chữ chủng tử là: RO (𩫑), hay MR (𩫑)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମମହାସମନ୍ତବୁଦ୍ଧନାମନକ୍ଷତ୍ରାନିର୍ଜାଦାନୀୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_  
SVĀHĀ

hay ନମମହାସମନ୍ତବୁଦ୍ଧନାମମ୍ରଗ୍ରସିରାନକ୍ଷତ୍ରାନି

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MRGA'SIRA- NAKṢATRA \_  
SVĀHĀ

## 25\_ Sâm Tú (Àrdra):

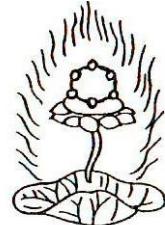
Àrdra (Sâm Tú) dịch âm là Át Đại La. Dịch ý là Dịch Thấp, Mê Thấp, Vị Thấp. Lại xưng là Sinh Sảnh Tú, Sinh Dưỡng Tú. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Ngửa lòng bàn tay phải để trước rốn. Dựng đứng lòng bàn tay trái, co ngón trỏ ngón giữa cầm hoa sen, trên hoa sen có ngôi sao. Giao ống chân mà ngồi. (hình 234)



Chữ chủng tử là: RO (𩫑), hay A (𩫑)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ân là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ân.



Chân Ngôn là:

ନମମାତ୍ରେଷୁନ୍ଦ୍ରାନ୍ତର ନିର୍ଜାଦାନୀୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ NAKSATRA NIRJADANIYE\_ SVÀHÀ

hay ନମମାତ୍ରେଷୁନ୍ଦ୍ରାନ୍ତର ନକ୍ଷତ୍ରେ ସନ୍ଧାନ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ ÀRDRA- NAKSATRA \_ SVÀHÀ

## 26\_ Quỷ Tú (Puṣya):

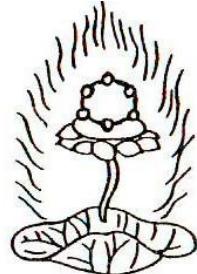
Puṣya (Quỷ Tú) dịch âm là Bố Sái. Lại xưng là Xí Thịnh, Tăng Ích. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 235)

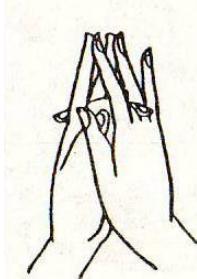


Chữ chủng tử là: PU (𠀤)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ân là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ân.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ନକ୍ଷତ୍ରା ନିର୍ଜାଦାନିୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_ SVĀHĀ

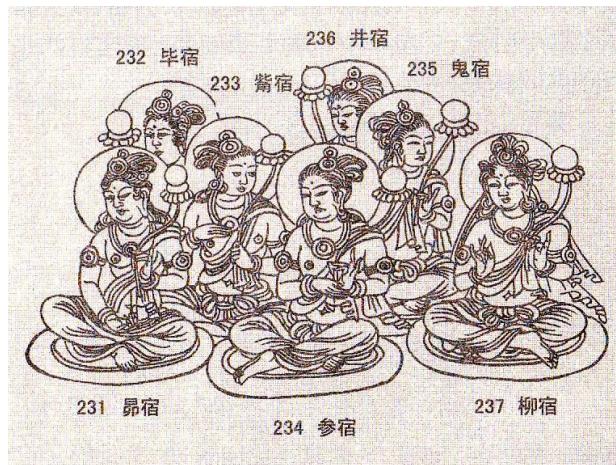
hay ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ପୁଷ୍ୟା ନକ୍ଷତ୍ରା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ PUŠYA- NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

**27\_ Tỉnh Tú (Punarvasu):**

Punarvasu (Tỉnh Tú) dịch âm là Bồ Nại Phật Tô. Lại xưng là Tăng Tài, Nhãm Tài. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 236)



Chữ chủng tử là: A (昴), hay PU (昴)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବସମତ୍ରେଦାନମ୍ବନାଥ ନରଦମୀଧୁ ଶନୀ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_  
SVĀHĀ

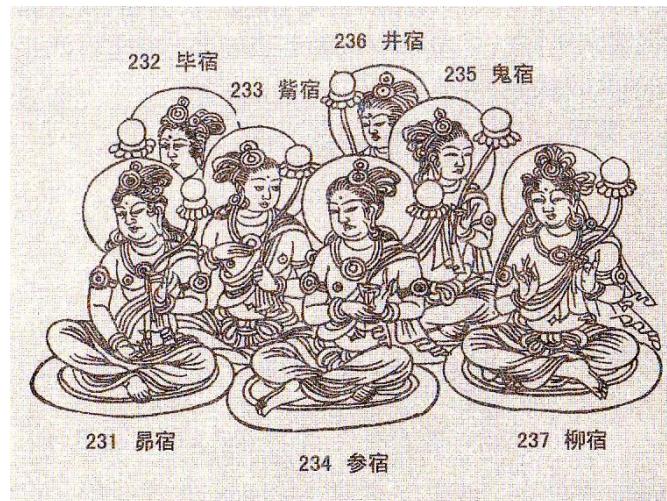
hay ନମ୍ବସମତ୍ରେଦାନମ୍ବନାଥ ନରଦମୀଧୁ ଶନୀ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ PUNARVASU- NAKṢATRA \_  
SVĀHĀ

**28\_ Liễu Tú (À'slesa):**

À'slesa (Liễu Tú) dịch âm là A Thất Lệ Sái. Lại xưng là Bất Cận, Bất Nhiễm. Là một trong 28 Tú, một trong 7 Tú ở phương Đông.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen (hình 237)

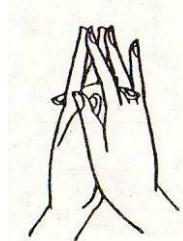


Chữ chủng tử là: PRA (𩙑), hay A (𩙑)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ନକ୍ଷତ୍ରା ନିର୍ଜାଦାନୀୟେ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_  
SVĀHĀ

hay ନମଃସମାତ୍ର ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ଶଶୀ ନକ୍ଷତ୍ରା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ À'SLEŚA- NAKṢATRA \_ SVĀHÀ

## 29\_ Ngưu Mật Cung (Vṛṣa-vimana):

Vṛṣa-vimana lại xưng là Ngưu Cung, Kim Ngưu Cung, Mật Ngưu Cung, Trì Ngưu Thần Chủ. Là một trong 12 Cung (Dva-da'sa-vimana)

Tôn này chủ về việc nuôi dưỡng cầm thú (súc mục)

Tôn Hình: Con bò đực màu vàng đỏ.

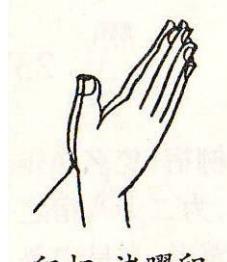


Chữ chủng tử là: JA (جا), hay VR (ڦ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମାମି ସମନ୍ତ ବୁଧାନାମ ଵ୍ରଷାପତାୟେ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VR̥SA-PATAYE\_ SVĀHĀ

### 30\_ Bạch Dương Cung (Meṣa-vimana):

Meṣa-vimana lại xưng là Dương Cung, Trì Dương Thần Chủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc có cảnh hạnh

Tôn Hình: Con dê màu trắng. Hoặc là hình Thiên Nữ, tay trái tác Thí Vô Uý Ấn, tay phải nắm quyền để trước ngực và dựng đứng ngón trỏ. Ngồi trên toà hình tròn, trước toà có con dê.

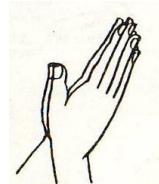


Chữ chủng tử là: JE (ڄا), hay ME (ڦ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ân là: Chư Diệu Ân.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ମେଷପତାୟେ ସ୍ଵାହା  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MEṢA-PATAYE\_ SVĀHĀ

### 31\_ Phu Phụ Cung (Nam) (Mithuna-vimana):

Mithuna-vimana lại xưng là Phu Phụ Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung, hoặc Song Điểu Thiên Thủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc mang thai, con cháu

Tôn Hình: Nam hướng mặt về bên phải, cùng đối với nữ

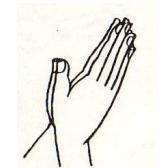


Chữ chủng tử là: JE (ଜେ), hay MI (ମୀ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ân là: Chư Diệu Ân.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ତା ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ମେଷପତାୟେ ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ MITHUNA-PATAYE\_ SVÀHÀ

**32\_ Phu Phụ Cung (Nữ) (Mithuna-vimana):**

Mithuna-vimana lại xưng là Phu Phụ Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung, hoặc Song Điểu Thiên Thủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc mang thai, con cháu

Tôn Hình: Nữ hướng mặt về bên trái, cùng đối với Nam. Tay cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao

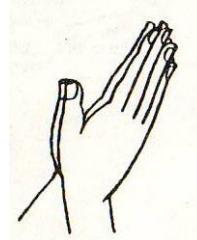


Chữ chủng tử là: JE (᳚), hay MI (᳛)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Án là: Chư Diệu Án.



Chân Ngôn là:

ନମ୍ବମନ୍ତର ଏକାଂଶ୍ଚ ଅଞ୍ଜନ୍ପରଥ୍ୟା ସୁଦୂ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ MITHUNA-PATAYE\_ SVÀHÀ

**33\_ Tuệ Tinh (Ketu):**

Ketu dịch âm là Kế Đô, Kê Đâu, Kê Đô, dịch ý là Kỳ Tinh. Lại xưng là Báo Vĩ Tinh, Thực Thần Vĩ được an bày ở phương Tây Nam, cùng với 7 Diệu và La Hầu (Rahu) được xưng chung là Cửu Diệu (Nava-graha)

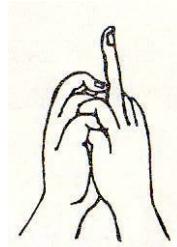
Tôn Hình: Thân màu thịt, ở trong mây lộ nửa thân



Chữ chủng tử là: JE (៥), hay KE (៥)  
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc đỏ trên hoa sen.



Tướng Ăn là: Tuệ Tinh Ăn.

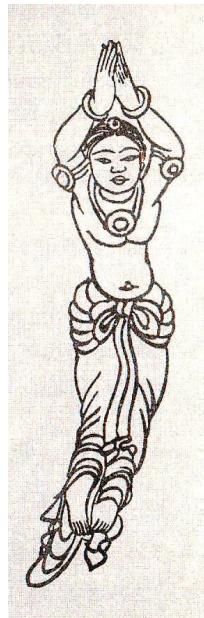


## Chân Ngôn là:

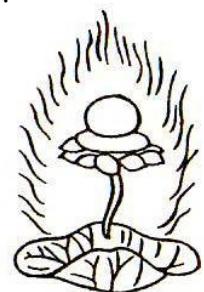
NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ LOKA ALOKÀ KARÀYA \_  
SARVA DEVA NÀGA YAKŞA GANDHARVA ASURA GARUDA  
KIMNARA MOHÀRAGA DI\_ HRDÀYA ANYA AKARSÀYA VICITRAGATI  
SVÀHÀ

### **34 Lưu Tinh (Nirghata-ketu)**

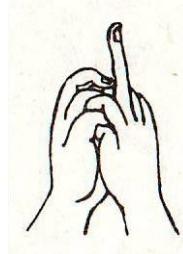
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Phi Thiên Đồng Tử, chắp hai tay lại để trên đầu.



Chữ chủng tử là: JE (᳚), hai NI (᳛)  
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc đỏ trên hoa sen.



Tướng Án là: Tuệ Tinh Án.



Chân Ngôn là:

ନମଃସମାର୍ଥେଦାନଂସବୁଦ୍ଧାନାମଃ ଲୋକାକାରାୟା ଗନ୍ଧାରାୟା ଶର୍ଵାଗାୟା  
ରୁକ୍ମିନୀରାଗାୟା ଅସହଦ୍ୟାନାମଃ ଅସରଗାତିଷାମନ୍ଦା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNAM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARŚĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

### 35\_ Nhật Diệu (Sūrya):

Sūrya là một trong 9 Diệu. Lại xưng là Nhật Thiên Diệu, Nhật Tinh, Nhật Tinh (tinh tuý của mặt trời), Thái Dương Mật Nhật Tinh . Là quyền thuộc của Nhật Thiện của Mật Giáo, hoặc đồng Thể với Nhật Thiên.

Tôn này biểu thị cho Tâm Bồ Đề trong sạch.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Tay phải cầm vòng mặt trời, Tay trái đeo ở eo, khoác Thiên Y. Dùng cỗ xe có ba con ngựa làm toà ngồi.



Chữ chủng tử là: RO (𠀤), hay SU (ශ)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Tướng Án là: Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍ ସୂର୍ଯ୍ୟାୟା ସ୍ଵାହା

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ SŪRYĀYA\_ SVĀHĀ

### 36\_ Nhật Diệu Quyến Thuộc (Sūrya-parivārah):

Sūrya-parivārah là quyến thuộc của Nhật Diệu. Lại xưng là Phích Lịch Tinh  
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải tác Dữ Nguyên Án, tay trái đeo trên đùi trái



Chữ chủng tử là: JAM (ጃ), hay SU (ሟ)

Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời.



Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chuồng.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମାର୍ଥ ସଦ୍ଧାନ୍ତ ଶୁଦ୍ଧାନ୍ତ ରୂପ ସଦ୍ଧାନ୍ତ ଗାୟତ୍ରୀ ଶୁଦ୍ଧାନ୍ତ  
ରୂପାର୍ଥ ମନ୍ତ୍ରାର୍ଥ ଅତ୍ୱ ହରିଦାତ୍ମନ ଧ୍ୟାନ ଅତ୍ୱ ଏଗାତ୍ମା ମନ୍ତ୍ରାର୍ଥ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARŚĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

### 37\_ Bà Tô Tiên Hậu (Vasvī):

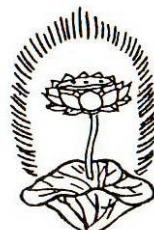
Vasvī là vợ của Bà Tô Tiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Tay phải để trước ngực cầm hoa sen khép cánh với lá sen. Tay trái để bên eo cầm hoa sen nở rõ. Giao ống chân mà ngồi.

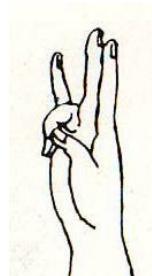


Chữ chủng tử là: VA (梵)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Ấn là: Nhất Thiết Chư Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

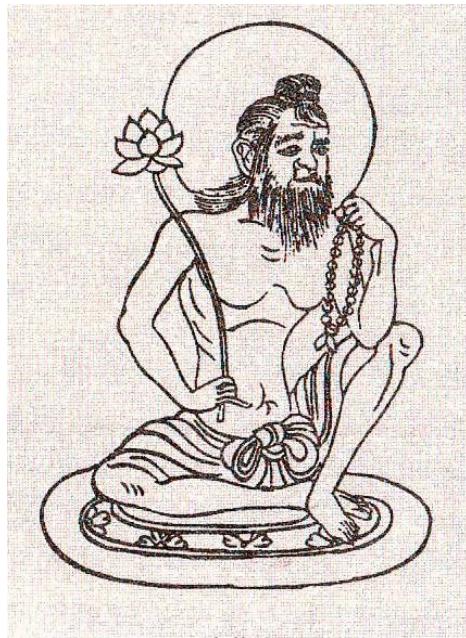
नमः समान एव द्वंस गुण गुण कर्ता द्वंस महायात्रा गुण  
कर्ता द्वंस महाराग एव द्वंस गुण गुण कर्ता द्वंस महायात्रा गुण

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ KARĀYA \_  
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUĀ  
KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARSĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

### 38\_ Bà Tô Đại Tiên (Vasu-mahā-ṛṣī):

Vasu là quyền thuộc của Hoả Thiên, một trong 5 Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, thân trên không mặc áo . Tay phải cầm hoa sen, tay trái cầm tràng hạt.

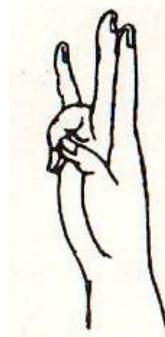


Chữ chủng tử là: VA (ණ)

Tam Muội Gia Hình là: Chuỗi tràng hạt.



Tướng Ấn là: Nhất Thiết Chư Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମଃ ସମତ ଦୁରାଂତ ଦାମ୍ଭକ ଲିଙ୍ଗ ମନ୍ଦ

NAMAH\_ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VASIṢṬA\_ R̥ŚIM\_ SVĀHĀ

### **39\_ Hoả Thiên Hậu (Agnayì):**

Agnayì là vợ của Hoả Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng. Cơ hai cánh tay rồi ngửa lòng bàn tay, ngồi trong lửa rực.

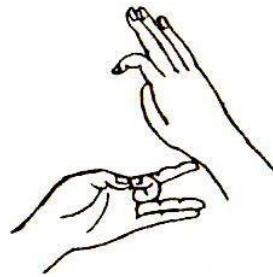


Chữ chung tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình.



Tướng Ấn là:Hỏa Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ନମମମତ ଦ୍ଵାଙ୍ଗସ ଶ୍ରବ୍ଧାସ ଶ୍ରନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM \_ AGNIYE SVÀHÀ

#### **40\_ Hoả Thiên (Agni):**

Agni là vị Trời thủ hộ phương Nam trong 8 vị Trời Hộ Thế , cũng là một trong 20 Thiên.

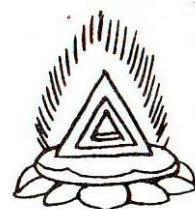
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân ngồi trong lửa rực, có một mặt 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất để trước ngực cầm Tam Giác Án, tay thứ hai

cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất để ở đầu gối cầm Táo Bình, tay thứ hai cầm cây gậy Tiên.

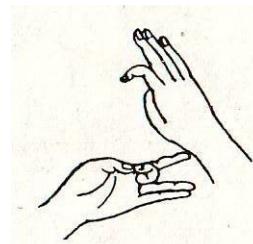


Chữ chủng tử là: A (អ)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Án.



Tướng Án là: Hỏa Thiên Án.



Chân Ngôn là:

ନମାମି ସାମନ୍ତ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ AGNAYE\_ SVĀHĀ

15/07/2009